

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 21-7-2025  
V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Thi

Ông Phạm Văn Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Minh Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 30 ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thanh L ; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A , thành phố Hải Phòng; **có mặt.**

- **Bị đơn:** Anh Phan Văn T ; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; **vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án đề ngày 10 tháng 01 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thanh L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thanh L và anh Phan Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là phường A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 022/2002 ngày 20/5/2002. Quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, mặt khác anh đã nhiều lần có hành vi bạo lực với chị. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Phan Văn T .

- Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Phan Thị N, sinh ngày 10/11/2001. Con chung Phan Thị N đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Trịnh Thanh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Văn T trình bày:*

Anh thừa nhận lời khai của chị Trịnh Thanh L về thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống; nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Chị L khởi kiện xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn với chị L .

- Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Phan Thị N , sinh ngày 10/11/2001. Con chung Phan Thị N đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên anh Thắng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Phan Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thanh L và anh Phan Văn T . Chị L và anh T có 01 con chung là Phan Thị N , sinh ngày 10/11/2001, hiện con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị Trịnh Thanh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phan Văn T đang cư trú tại Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Thắng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Phan Văn T.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thanh L và anh Phan Văn T đã được xác lập là hợp pháp, Giấy chứng nhận kết hôn số 022/2002, ngày 20/5/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là phường An Hải, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trịnh Thanh L được ly hôn anh Phan Văn T.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thanh L và anh Phan Văn T có một con chung là Phan Thị N, sinh ngày 10/11/2001. Con chung Phan Thị N đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh T đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thanh L được ly hôn anh Phan Văn T.
2. Về án phí: Chị Trịnh Thanh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008739 ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thanh L. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thanh L. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Văn T. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
  - TAND thành phố Hải Phòng;
  - VKSND Khu vực 2 – Hải Phòng;
  - Chi cục THADS thành phố Hải Phòng ;
  - UBND phường A, Hải Phòng
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 022/2002, ngày 20/5/2002);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Lý**



